TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHATRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** **————————————**

Bản án số: **95**/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Minh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Có
Bà Võ Thị Bời

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Thủy – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên toà*: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 235/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2024 và Thông báo dời phiên tòa số 235/TB-TA ngày 07/7/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Trần Đình Tr**,** Sinh năm: 1965
Địa chỉ: Số 72 Hoàng Diệu, p. Vĩnh Nguyên, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.
Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Hạnh D, sinh năm 1974
Địa chỉ: Số 72 Hoàng Diệu, p. Vĩnh Nguyên, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ, lời khai trong quá trình tố tụng ông Trần Đình Tr trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Hạnh D tự nguyện kết hôn với nhau năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Giấy CNKH số 089, ngày 28/10/1994). Trong quá trình chung sống, giữa ông Tr và bà D phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, nên ông Trung làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh Thị Hạnh D. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Trần Thị Hạnh Q, sinh ngày 10/9/1995. Hiện nay

con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên không yêu cầu gì. Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn – bà Huỳnh Thị Hạnh D trình bày*: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Tr về thời gian và điều kiện kết hôn, con chung cũng như tài sản chung. Tuy nhiên, bà cho rằng giữa ông bà không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là mâu thuẫn giữa gia đình phía ngoại và ông Tr. Ông Tr đã dọn ra khỏi nhà và sống ly thân gần 01 năm nay, bà có gọi điện thoại nhưng ông T không nghe và không có cách khác để liên lạc cũng như gặp được ông Tr. Bà có nhờ anh chị em bên gia đình chồng và cả con gái đang định cư ở nước ngoài về để hòa giải và hàn gắn, nhưng ông Tr vẫn cương quyết xin ly hôn. Bà không có phương án nào hay biện pháp gì để níu kéo ông Tr về để hàn gắn hôn nhân. Bà xin Tòa án cho bà thời gian 01 năm để tìm cách hàn gắn gia đình, vì hiện nay bà không thể liên lạc được với ông Tr. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Trần Thị Hạnh Q, sinh ngày 10/9/1995. Hiện nay con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên không yêu cầu gì. Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Đình Tr và bà Huỳnh Thị Hạnh D không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Đình Tr được ly hôn với bà Huỳnh Thị Hạnh D. Về con chung: Ông Tr và bà D có 01 con chung là Trần Thị Hạnh Q, sinh ngày 10/9/1995. Hiện nay con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh, các bên không yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông Trần Đình Trung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Đình Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với bà Huỳnh Thị Hạnh D, bà D có nơi cư trú tại số 72 Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Khánh Hòa, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Đình Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Huỳnh Thị Hạnh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Ông Trần Đình Tr và bà Huỳnh Thị Hạnh D tự nguyện kết hôn với nhau năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Giấy CNKH số 089, ngày 28/10/1994) nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Trần Đình Trung có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thụ lý là đúng quy định tại khoản 1, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải hòa giải, mặc dù bà Huỳnh Thị Hạnh D trình bày giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chỉ là mâu thuẫn giữa gia đình bên ngoại với ông Tr, nhưng thực tế ông Tr đã dọn ra khỏi nhà và sống ly thân gần 01 năm nay. Bà cũng trình bày là vợ chồng em gái ruột ông Trung hiện đang định cư tại Mỹ cũng bay về để hòa giải cuộc hôn nhân của ông Tr và bà D. Như vậy, nhận thấy giữa ông Tr và bà D thực tế có mâu thuẫn. Mặc dù bà D không thừa nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn, tuy nhiên bà D qua lời trình bày của bà thì giữa bà và ông Trung có khúc mắc không giải quyết được. Bên cạnh đó bà cũng không có biện pháp gì để níu kéo ông Tr tiếp tục cuộc hôn nhân. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án cho bà thời gian 01 năm để tìm biện pháp níu kéo khuyên nhủ và hòa giải với ông Tr. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Tr vẫn kiên quyết xin ly hôn, không chấp nhận hòa giải vì cho rằng mâu thuẫn nội tại giữa vợ chồng ông bà là không thể giải quyết được, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Ông trình bày cuộc hôn nhân kéo dài 30 năm, ông đã sống vì gia đình, vì con nên nhẫn nhịn nhưng đến nay ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn, ông không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc này được nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Tr và bà D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Tr là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Ông Tr và bà D có 01 con chung là Trần Thị Hạnh Q, sinh ngày 10/9/1995. Hiện nay con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh, các bên không yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Trần Đình Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử**:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trần Đình Tr.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Đình Tr được ly hôn bà Huỳnh Thị Hạnh D.

[2] *Về con chung*: Ông Tr và bà D có 01 con chung là Trần Thị Hạnh Q, sinh ngày 10/9/1995. Hiện nay con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh, các bên không yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Ông Trần Đình Tr phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002130 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, ông Tr đã nộp đủ án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

***Quy định**: Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Minh

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp.Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp.Nha Trang;
- UBND phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.